

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 07/5/2021
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Khánh Nam

2. Bà Lương Thị Như Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa:** Bà Trần Huỳnh Như Thủy – Kiểm sát viên

Vào ngày 07/5/2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 491/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị Th, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp Ruộng Tre, xã Bảo Quang, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Thổ T, sinh năm 1989

Hộ khẩu thường trú: Ấp Ruộng Tre, xã Bảo Quang, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: tổ 11, ấp Bàu Trâm, xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Th và anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2020, các lời khai bổ sung nguyên đơn chị Thị Th trình bày:

Chị chung sống với anh Thổ T vào năm 2010, đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Trâm.

Sau khi kết hôn anh chị sống chung không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, anh T hay nhậu nhẹt nên thường gây gổ, đánh

đập vợ con. Tháng 10/2020 chị đã ly thân và đưa con về sống tại Bảo Quang còn anh T sống tại Bàu Trâm, nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Anh chị có 02 con chung Thổ Thị Thùy M sinh ngày 05/7/2011 và Thổ Thiên Q sinh ngày 05/7/2014, khi ly hôn chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ: tự khai, chứng minh nhân dân, hộ khẩu, giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh, đơn đề nghị không hòa giải, đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn anh Thổ T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Chứng cứ: không có.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 05/02/2021.

- Ý kiến của kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS.

Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS, riêng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th. Về con chung: giao cháu M và cháu Q cho chị Th nuôi dưỡng, do chị Th không yêu cầu nên tạm thời anh T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

Về án phí: chị Th chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Thị Th có đơn khởi kiện anh Thổ T yêu cầu ly hôn nên xác định chị Th là nguyên đơn, anh T là bị đơn trong vụ án ly hôn. Do chị Th có đơn xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Th.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án căn cứ Điều 227 xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Th và anh Thổ T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Th cho rằng cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, vợ chồng không có hạnh phúc, đã sống ly thân từ tháng 10/2020. Mặc dù anh

T không có lời trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương cho thấy thời gian còn chung sống tại Bàu Trâm anh chị thường gây gổ nhau, anh T nhận được thông báo của Tòa án nhưng anh vắng mặt thể hiện việc không có thiện chí, mong muốn hòa giải với chị Th. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, chị Th không còn tình cảm, hôn nhân giữa anh chị không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Th ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu M và đảm bảo việc phát triển về mọi mặt cho cháu Q nên chấp nhận. Do chị Th không yêu cầu nên tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị Th khai không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Th khai không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Th ly hôn với anh Thổ T.

- Về con chung: giao cháu Thổ Thị Thùy M sinh ngày 05/7/2011 và Thổ Thiên Q sinh ngày 05/7/2014 cho chị Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Thổ T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Thổ T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Khi cần thiết, anh T, chị Th được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, việc cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Th khai không có nên không xem xét

- Về nợ chung: Chị Th khai không có nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Th nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Long Khánh theo biên lai thu số 0006400 ngày 12/10/2020 thành tiền án phí, chị Th đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Lưu án văn ;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Mỹ Lệ